TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20-02-2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Thanh Nhã.

Ông Nguyễn Thành Tâm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Ngô Thị H, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Vũ P, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 07 tháng 8 năm 2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Ngô Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Vũ P tự nguyện chung sống và tổ chức lễ cưới vào tháng 02/2011, đến ngày 25/6/2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc, đến tháng 02/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý

kiến, nên không còn hạnh phúc. Chị H và anh P sống ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay. Về hôn nhân: Chị H yêu cầu ly hôn với anh P; về con chung: trong thời gian chung sống chị H và anh P có ba con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 01/12/2011, Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 11/10/2015 và Nguyễn Phúc H1, sinh ngày 06/8/2020, hiện nay cháu H1 đang sống chung với anh P, cháu T và cháu L đang sống chung với chị H. Chị H yêu cầu nuôi dưỡng ba con chung là Nguyễn Quốc T, Nguyễn Thị Ngọc L và Nguyễn Phúc H1 cho đến khi thành niên và yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị H thay đổi yêu cầu khởi kiện về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Quốc T và Nguyễn Thị Ngọc L cho đến khi thành niên, giao cháu Nguyễn Phúc H1 cho anh P nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: trong thời gian chung sống chị H và anh P không có tài sản chung và nợ chung, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nguyên đơn đã nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 46/2013, Quyển số 01/2013, họ và tên chồng Nguyễn Vũ P, sinh năm 1989, họ và tên vợ Ngô Thị H, sinh năm 1994 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp, ngày đăng ký 25/6/2013 (bản chính); Giấy khai sinh số 05/2014 , họ và tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 01/12/2011, họ và tên mẹ Ngô Thị H, sinh năm 1994, họ và tên cha Nguyễn Vũ P, sinh năm 1989, đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, ngày đăng ký 08/01/2014 (bản sao); Giấy khai sinh số 28, họ và tên Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 11/10/2015, họ và tên mẹ Ngô Thị H, sinh năm 1994, họ và tên cha Nguyễn Vũ P, sinh năm 1989, đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, ngày đăng ký 13/3/2017 (bản sao); Giấy khai sinh số 232/2020, họ và tên Nguyễn Phúc H1, sinh ngày 06/8/2020, họ và tên mẹ Ngô Thị H, sinh năm 1994, họ và tên cha Nguyễn Vũ P, sinh năm 1989, đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, ngày đăng ký 21/8/2020 (bản sao). Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã nộp được cơ quan có thẩm quyền cấp nên hợp pháp, đây là các tình tiết sự kiện không phải chứng minh phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn anh Nguyễn Vũ P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ: thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến hai lần mà vẫn vắng mặt không có lý do, anh P không gửi văn bản nêu ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn cho Tòa án. Tại phiên tòa anh P vắng mặt, nên không có ý kiến trình bày.

- Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ông Nguyễn Hùng T1 ngày 22/01/2024, ông T1 trình bày: Anh Nguyễn Vũ P là con ruột của ông T1, anh P đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh P không đồng ý đến Tòa án vì bận đi làm. Trong quá trình chung sống anh P và chị H có ba con chung là Nguyễn Quốc T, sinh ngày 01/12/2011, Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 11/10/2015 và Nguyễn Phúc H1, sinh ngày 06/8/2020, hiện nay cháu H1 sống chung với anh P, cháu T và cháu L sống chung với chị H.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án: kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân: xử cho chị H ly hôn với anh P; về con chung: giao con chung là Nguyễn Phúc H1 cho anh P nuôi dưỡng đến khi thành niên; giao con cung là Nguyễn Quốc T và Nguyễn Thị Ngọc L cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi thành niên; tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh P không yêu cầu, đề nghị không xem xét; buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Quan hệ tranh chấp: nguyên đơn chị Ngô Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi dưỡng con chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn anh Nguyễn Vũ P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm mà vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về thay đổi yêu cầu khởi kiện về con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn: xét yêu cầu thay đổi của chị H không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của chị H. Chị H và anh P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc, đến tháng 02/2022 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn sâu đậm. Chị H và anh P không chung sống cùng nhau từ tháng 02/2022 cho đến nay. Từ đó đến nay, anh chị không có liên hệ để hàn gắn tình cảm nhằm đoàn tụ xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Xét hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu ly hôn của chị H được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Xét yêu cầu của chị H về con chung. Cháu Nguyễn Phúc H1, sinh ngày 06/8/2020 hiện đang sống chung với anh P, anh P đã chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cháu H1, cháu H1 được đi học đúng độ tuổi. Hiện nay cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 01/12/2011 và Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 11/10/2015 đang sống chung với chị H, chị H đã chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cháu T và cháu L, cháu T và cháu L được đi học theo đúng độ tuổi. Xét nguyện vọng cháu T và cháu L muốn được sống chung với mẹ ruột (chị H). Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Phúc H1 cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H1 thành niên. Giao cháu Nguyễn Quốc T và Nguyễn Thị Ngọc L cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T và cháu L thành niên. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho chị H và anh P không ai được cản trở. Chị H và anh P không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của anh P và chị H. Chị H không cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con, anh P không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con, nên chị H và anh P không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung, anh P không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh P không chịu án phí; chị H phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị H.

1. Về hôn nhân: cho chị Ngô Thị H và anh Nguyễn Vũ P ly hôn.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 01/12/2011 và Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 11/10/2015 cho chị Ngô Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T và cháu L thành niên. Giao cháu Nguyễn Phúc H1, sinh ngày 10/4/2010 cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H1 thành niên. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh P và chị H không ai được cản trở. Chị H và anh P không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của anh P và chị H. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh P không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết, anh P không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh P không phải chịu án phí; chị H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình, nhưng chị H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00011161 ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng.KTNV-THA);
- UBND xã A;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phan Thị Ngoan